

Số **1828**/QĐ-BNN-TCLN

Hà Nội, ngày **11** tháng **8** năm **2011**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố hiện trạng rừng toàn quốc năm 2010**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP;

Căn cứ Chỉ thị 32/2000/CT/BNN-KL ngày 27/3/2000 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc giao cho lực lượng Kiểm lâm tổ chức theo dõi diễn biến rừng trong phạm vi toàn quốc;

Căn cứ Thông tư số 25/2009/TT-BNN ngày 05/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện thống kê, kiểm kê rừng và lập hồ sơ quản lý rừng;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng Cục Lâm nghiệp,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố số liệu diện tích rừng có đến ngày 31/12/2010 trong toàn quốc như sau:

Đơn vị tính: hecta

| TT       | Loại rừng                         | Tổng cộng  | Trong 3 loại rừng |           |           | Ngoài 03 loại rừng |
|----------|-----------------------------------|------------|-------------------|-----------|-----------|--------------------|
|          |                                   |            | Đặc dụng          | Phòng hộ  | Sản xuất  |                    |
| <b>1</b> | Tổng diện tích rừng               | 13.388.075 | 2.002.276         | 4.846.196 | 6.373.491 | 166.112            |
| 1.1      | Rừng tự nhiên                     | 10.304.816 | 1.922.465         | 4.231.931 | 4.097.041 | 53.378             |
| 1.2      | Rừng trồng                        | 3.083.259  | 79.810            | 614.265   | 2.276.450 | 112.734            |
| a        | Rừng trồng đã khép tán            | 2.726.123  | 71.685            | 543.114   | 2.011.648 | 99.676             |
| b        | Rừng trồng chưa khép tán          | 357.136    | 8.125             | 71.151    | 264.802   | 13.058             |
| <b>2</b> | Diện tích rừng để tính độ che phủ | 13.030.939 | 1.994.151         | 4.775.045 | 6.108.689 | 153.054            |

Độ che phủ rừng toàn quốc năm 2010 là 39,5%.

Chi tiết số liệu theo các biểu đính kèm.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 2;
- TTg Chính phủ (để b/c);
- VP TƯ Đảng;
- VP Chính phủ;
- VP Quốc hội;
- Bộ trưởng;
- Các Bộ, Ngành;
- UBND tỉnh và TP trực thuộc TƯ;
- Các Cục, Vụ, Viện, Trường thuộc Bộ;
- Tổng cục Lâm nghiệp;
- Lưu VT, TCLN.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Hứa Đức Nhị.**